

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

Số: /2023/NQ-HĐND

ĐỀ THẢO 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 13 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 376 /TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, mức phụ cấp từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); mức phụ cấp chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kiêm nhiệm và phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

| Số TT | Chức danh | Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở) | | |
|-------|--|--|---------------|---------------|
| | | Cấp xã loại 1 | Cấp xã loại 2 | Cấp xã loại 3 |
| 1 | Văn phòng Đảng ủy | 1.40 | 1.20 | 0.99 |
| 2 | Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy | 1.35 | 1.18 | 0.99 |
| 3 | Phó Ban Tổ chức Đảng ủy | 1.35 | 1.18 | 0.99 |
| 4 | Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc | 1.40 | 1.18 | 0.99 |
| 5 | Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh | 1.35 | 1.18 | 0.99 |
| 6 | Phó Chủ tịch Hội Nông dân ở xã, thị trấn (Trưởng Ban bảo vệ dân phố ở phường) | 1.35 | 1.18 | 0.99 |
| 7 | Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ | 1.35 | 1.18 | 0.99 |
| 8 | Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 1.35 | 1.18 | 0.99 |
| 9 | Đài truyền thanh | 1.25 | 1.15 | 0.85 |
| 10 | Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự | 1.40 | 1.18 | 0.99 |
| 11 | Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ | 1.40 | 1.18 | 0.99 |
| 12 | Chủ tịch Hội Người cao tuổi | 1.40 | 1.18 | 0.99 |
| 13 | Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ | 1.40 | 1.18 | 0.99 |
| 14 | Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi | 0.65 | 0.47 | 0.47 |

Điều 3. Mức phụ cấp từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

| Số TT | Chức danh | Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở) | |
|-------|----------------------------------|--|--------------------------|
| | | Thôn từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự | Thôn, tổ dân phố còn lại |
| 1 | Bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố | 1,4 | 1,3 |
| 2 | Trưởng thôn, tổ dân phố | 1,4 | 1,3 |
| 3 | Trưởng ban CTMT thôn, tổ dân phố | 1,0 | 0,9 |

Điều 4. Mức hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

| Số TT | Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố | Mức hỗ trợ hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở) | |
|-------|--|--|--------------------------|
| | | Thôn từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự | Thôn, tổ dân phố còn lại |
| 1 | Phó Trưởng thôn (Phó Tổ trưởng tổ dân phố) | 1,0 | 0,9 |
| 2 | Công an viên (bán chuyên trách) ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (Bảo vệ dân phố ở tổ dân phố thuộc phường) | 1,0 | 0,9 |
| 3 | Thôn (tổ) đội trưởng | 0,7 | 0,6 |
| 4 | Nhân viên y tế và Dân số | 0,5 | 0,4 |
| 5 | Phó Bí thư chi bộ | 0,45 | 0,35 |
| 6 | Chi hội trưởng Chi hội Nông dân | 0,35 | 0,33 |
| 7 | Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ | 0,35 | 0,33 |
| 8 | Bí thư chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 0,35 | 0,33 |
| 9 | Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh | 0,35 | 0,33 |
| 10 | Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi | 0,35 | 0,33 |

Điều 5. Kiểm nhiệm và mức phụ cấp kiểm nhiệm

1. Kiểm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm 01 chức danh không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố;

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm thêm không quá 02 chức danh không chuyên trách khác ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm 01 chức danh không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố hoặc kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

d) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm thêm không quá 02 công việc khác của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.

2. Mức phụ cấp kiểm nhiệm

Cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố khi kiêm nhiệm được hưởng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh, công việc kiêm nhiệm.

Điều 6. Nguồn kinh phí

Do ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này thay thế: Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 và Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khóa XIX, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/ Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế/ Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế /Bộ Nội vụ;
- Bộ Công an;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực: Thành ủy, Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Bắc Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, CT.HĐND, SNV (4 bản).

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hồng